

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NINH BÌNH  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21 /2022/DS-ST

Ngày: 27 - 9 - 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH – TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Kim Phụng

2. Bà Hoàng Thị Phụng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Việt Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 55/2021/TLST- DS ngày 20 tháng 12 năm 2021, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần BD LV.

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà TD số xxx TQK, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Giám đốc - Chi nhánh tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Số xx, ngõ xx, đường ĐTH, phường ĐT, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1973 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Số nhà xx, ngõ xxx, đường XT, phố TT, phường TT, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H có đơn xin xử vắng mặt; Bà D và ông T vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai ngày, Đơn đề nghị, Bảng tính lãi ông Nguyễn Văn H - Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng thương mại cổ phần BD LV– Chi nhánh Ninh Bình đã ký kết Hợp đồng tín dụng số HD0111091704330 ngày 11/09/2017 đối với bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T với số tiền vay ban đầu 150.000.000 đồng. Phương thức cho vay theo từng lần. Bên cho vay sử dụng vốn vay vào mục đích hoàn vốn sửa nhà và mua sắm đồ dùng. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận tiền (Từ ngày 11/09/2017 đến ngày 12/09/2022). Lãi suất cho vay là 12,8%/năm theo dư nợ gốc giảm dần. LPB - Chi nhánh Ninh Bình cho bên vay vay theo hình thức cho vay không có tài sản bảo đảm. Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân 150.000.000 VNĐ vào tài khoản số 017366830002 của bà Nguyễn Thị D tại PGD Bưu điện thành phố Ninh Bình. Sau khi giải ngân bà D và ông T đã thực hiện trả nợ gốc cho Ngân hàng thương mại cổ phần BD LV– Chi nhánh Ninh Bình số tiền là: 15.000.036 VNĐ; số tiền lãi từ ngày 11/9/2017 đến ngày 16/4/2018 là: 10.090.567 VNĐ. Tổng số tiền gốc và lãi bà D, ông T đã trả là: 25.090.603 VNĐ Số tiền gốc và lãi do khách trả được Ngân hàng thu từ tài khoản 017366830002 của bà Nguyễn Thị D tại PGD Bưu điện thành phố Ninh Bình.

Tính đến ngày 27/9/2022 bà D và ông T còn nợ LPB - Chi nhánh Ninh Bình tổng số tiền: 286.775.828 đồng. Trong đó nợ gốc: 134.999.640 đồng; nợ lãi: 76.768.100 đồng; lãi trên nợ gốc chậm thanh toán: 58.149.391 đồng; lãi trên nợ lãi chậm thanh toán: 16.858.697 đồng. (Có bảng kê tính lãi khách hàng kèm theo). Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình buộc bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T mỗi người phải trả 1/2 số nợ trên. Vì bà D và ông T hiện đã ly hôn, không còn là vợ chồng. Việc bà D, ông T ly hôn và thay đổi địa chỉ mới không thông báo cho Ngân hàng biết là vi phạm quy định tại Điều 7, khoản 7.1, mục h của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD0111091704330.

Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong buộc bà D, ông T phải tiếp tục trả số tiền lãi theo mức lãi suất theo mức lãi suất các bên thoả thuận theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD0111091704330 ngày 11/9/2017 cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả nợ cho LPB.

*Tại Bản tự khai nộp ngày 11/01/2022 ông Nguyễn Văn T là bị đơn trình bày:* Ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình với nội dung Người đại diện của Ngân hàng thương mại cổ phần BD LV đã khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị D là vợ cũ của ông và bản thân ông phải trả nợ LPB theo hợp đồng tín dụng số HD0111091704330 ngày 11/9/2017 số tiền tạm tính đến ngày 18/8/2021 là 207.115.894 VNĐ. Trong đó bao gồm 134.999.640 đồng tiền gốc, 36.367.209 tiền lãi, lãi phạt 35.749.045 đồng. Về nội dung liên quan đến ông, ông có ý kiến: Ông và bà Nguyễn Thị D kết hôn ngày

28/6/2017 tại UBND phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Lúc này bà D đang là nhân viên y tế học đường THCS NBBL, phường NK, thành phố NB, khi kết hôn được khoảng hơn hai tháng có lần bà D nói với ông là có dự án vay Ngân hàng LV chi nhánh Ninh Bình, căn cứ vào mức lương hàng tháng Ngân hàng sẽ tính toán lập dự án để cho vay, thời điểm đó mức lương của bà D chỉ có hơn bốn triệu đồng, nhưng không hiểu sao bà D lại được nhà trường xác nhận làm thủ tục để vay số tiền 150.000.000 đồng. Bản thân ông chỉ ký vào hồ sơ dự án cho bà D chứ các nội dung tiếp theo ông không hề ký nữa. Ông không ký vay tiền, nhận tiền, trả lãi hàng tháng, ông không biết bà D tiêu pha số tiền này vào việc gì. Do bất đồng quan điểm sống, tháng 3 năm 2018 bà D đơn phương làm đơn ly hôn, chưa thực hiện việc ly hôn bà D xin nhà trường nghỉ việc và bỏ nhà đi biệt tích. Khi bà D không có nhà Ngân hàng Liên Việt cũng đến đòi tiền ông, ông nói ông không ký nhận vay, không nhận tiền của Ngân hàng. Tháng 5/2019 bà D thông tin về cho ông là giải quyết ly hôn, ông đồng ý, Toà án đã Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, Toà án đã ghi rõ trong quyết định về tài sản chung, công nợ chung ông T, bà D đều xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết. Quan điểm của ông: Việc Ngân hàng khởi kiện ông có liên quan đến số tiền mà bà D vay, bản thân ông không ký vào hợp đồng tín dụng, không nhận tiền, không trả lãi hàng tháng nên ông không chịu trách nhiệm. Đề nghị Toà án xem xét giải quyết buộc bà D phải chịu trách nhiệm trả số tiền vay cho ngân hàng là 150.000.000 đồng.

Trước khi có bản tự khai ngày 10/01/2022 ông Nguyễn Văn T có đơn xin sao chụp tài liệu có trong hồ sơ mà Ngân hàng cung cấp. Toà án đã sao chụp toàn bộ các tài liệu của Ngân hàng cho ông T.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập bà Nguyễn Thị D để làm việc nhưng chị Dung không có mặt tại địa chỉ Ngân hàng đã cung cấp. Toà án đã yêu cầu Ngân hàng cung cấp địa chỉ mới của bà D, nhưng Ngân hàng không cung cấp được địa chỉ mới của bà D. Bà D đến địa chỉ khác sinh sống không thông báo cho Ngân hàng biết.

Sau khi Ông T nộp bản tự khai, Toà án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Toà án làm việc về việc ông T cho rằng chữ viết, chữ ký trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước số HD0111091704330 ngày 11/9/2017 không phải do ông ký, nhưng ông T không đến Toà án làm việc.

Tại biên bản xác minh ngày 26/7/2022 Trưởng phó Tân Trung cung cấp: Bà Nguyễn Thị D trước đây có một đời chồng, sinh sống tại phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình. Sau khi ly hôn bà D về ở với bố mẹ đẻ ở địa chỉ: Số nhà xx, ngõ xxx, đường XT, phố TT, phường TT, thành phố NB một thời gian ngắn thì kết hôn với ông Nguyễn Văn T tại: Số nhà xx, ngõ xxx, đường XT,

phố TT, phường TT, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình. Bà D chung sống với ông T được khoảng 01 năm thì ly hôn, sau đó bà D bỏ đi khỏi địa phương, không còn sinh sống với ông T hay với bố mẹ đẻ. Hiện nay Bà D ở đâu phố cũng không biết. Địa chỉ cuối cùng trước khi bà D bỏ đi là: Số nhà xx, ngõ xxx, đường XT, phố TT, phường TT, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

Hiện anh T cũng không còn sinh sống tại địa chỉ: Số nhà xx, ngõ xxx, đường XT, phố TT, phường TT, thành phố NB từ mấy tháng nay. Trước khi chuyển đi ông T có đến phố xác nhận để vào miền nam làm ăn, ông T sinh sống, làm việc cụ thể ở đâu phố không biết. Nhà ông T đã cho người khác thuê làm kho hàng, người thuê nhà thường xuyên đi vắng, khoá cửa.

Toà án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật đối với bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng người tham gia tố tụng, xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định của pháp luật. Tiến hành việc thu thập chứng cứ theo đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa, HĐXX, thư ký đã tuân thủ theo đúng trình tự phiên tòa BLTTDS quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS năm 2015.

Thẩm phán đã tiến hành 01 phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 17/8/2022. Do các đương sự đều vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã niêm yết thông báo về phiên họp và thông báo kết quả phiên họp theo quy định. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Như vậy, việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Áp dụng các Điều 463, 466, 688 của BLDS năm 2015; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228 BLTTDS năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP BDLV. Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D mỗi người phải trả cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt số tiền 143.387.914 đồng, trong đó nợ gốc là 67.499.820 đồng, tiền lãi là 75.888.094 đồng. Kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D còn phải trả tiền lãi theo mức lãi

suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD0111091704330 ngày 11/9/2017.

- Án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm là 7.169.396 đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP BDLV số tiền 5.100.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự TP Ninh Bình theo Biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2021/0000753 ngày 17/12/2021.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xem xét ý kiến của các đương sự và thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

LPB khởi kiện Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Đây là tranh chấp phát sinh về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền cấp Tòa án: Tòa án cấp huyện có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

Về thẩm quyền theo lãnh thổ: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T có địa chỉ tại Số nhà xx, ngõ xxx, đường XT, phố TT, phường TT, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình nên thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình theo quy định điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt; Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T thay đổi địa chỉ (Đã ghi trong hợp đồng tín dụng giữa LPB - Chi nhánh Ninh Bình với bà Nguyễn Thị D và đồng trách nhiệm trả nợ là ông Nguyễn Văn T) mà không thông báo cho LPB biết. Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 thì được coi là cố tình dấu địa chỉ, Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số HD0111091704330 ngày 11/09/2017 giữa LPB - Chi nhánh Ninh Bình với bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T đã ký kết với số tiền vay ban đầu 150.000.000 đồng. Phương thức cho vay theo từng lần. Bên cho vay sử dụng vốn vay vào mục đích hoàn vốn sửa nhà và mua sắm đồ dùng. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận tiền (Từ ngày 11/09/2017 đến ngày 12/09/2022). Lãi suất cho vay là 12,8%/năm theo dư nợ gốc giảm dần. LPB - Chi nhánh Ninh Bình cho bên

vay vay theo hình thức cho vay không có tài sản bảo đảm. Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân 150.000.000 VNĐ vào tài khoản số 017366830002 của bà Nguyễn Thị D tại phòng giao dịch Bưu điện thành phố Ninh Bình. Tổng số tiền bà D và ông T đã thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng TMCP BDLV là: 25.090.927 VNĐ. Trong đó gốc trả: 15.000.036 VNĐ, lãi trả 10.090.567 VNĐ. Số tiền này được Ngân hàng thu từ tài khoản 017366830002 của bà Nguyễn Thị D. Tính đến ngày 27/9/2022 bà D và ông T còn nợ LPB - Chi nhánh Ninh Bình tổng số tiền: 286.775.828 đồng. Trong đó nợ gốc: 134.999.640 đồng; nợ lãi: 76.768.100 đồng; lãi trên nợ gốc chậm thanh toán: 58.149.391 đồng; lãi trên nợ lãi chậm thanh toán: 16.858.697 đồng. Việc ký Hợp đồng giữa đại diện của LPB - Chi nhánh Ninh Bình và bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn T được thực hiện trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng không trái với quy định của pháp luật.

Ông T cho rằng, ông không ký vào hợp đồng vay, không là người trực tiếp nhận tiền vay, số tiền bà D vay sử dụng vào việc gì ông không được biết, ông và bà D đã ly hôn, Tòa án đã ghi rõ trong quyết định về tài sản chung, công nợ chung ông T, bà D đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Xét thấy tại hợp đồng tín dụng số HD0111091704330 ngày 11/09/2017 có ghi bên vay là bà Nguyễn Thị D và người đồng trách nhiệm trả nợ là ông Nguyễn Văn T, mục đích vay tiền là hoàn vốn sửa nhà và mua sắm đồ dùng. Ông T, bà D đã ký vào từng trang của hợp đồng. Ông T nói không ký vào hợp đồng vay tiền mà chỉ ký vào dự án của nhà trường nhưng khi Tòa án triệu tập ông đến Tòa án làm việc, ông T không đến Tòa, không đề nghị Tòa án giám định chữ ký trong hợp đồng tín dụng. Ông T đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc. Như vậy ông T đã cố tình không thực hiện quyền lợi của mình; Đối với việc ông T bà D xác định không có tài sản chung, công nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án ly hôn là do tự ông, bà xác định. Tòa án không xem xét giải quyết về việc ông T bà D có tài sản chung và công nợ chung hay không. Khoản vay trên được ký kết trong thời kỳ hôn nhân của bà D ông T nên ông T và bà D phải chịu trách nhiệm liên đới về nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, việc ông T trình bày ông không có trách nhiệm trả nợ cho LPB là không có căn cứ.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của LPB buộc bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T phải trả cho LPB số tiền nợ gốc còn lại là 134.999.640 đồng (Một trăm ba mươi tư triệu chín trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Tại Hợp đồng tín dụng số HD0111091704330 ngày 11/09/2017 lãi suất là 12,8%/năm theo dư nợ gốc giảm dần, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn, Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên

thỏa thuận bằng 10%/năm. Thời gian tính lãi được tính trên cơ sở một năm có 360 ngày. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T đã trả cho LPB số tiền lãi là 10.090.567 đồng. Số tiền lãi bà D và ông T còn phải trả tính đến ngày 27/9/2022 là: 151.776.188 đồng. Trong đó nợ lãi trong hạn: 76.768.100 đồng; lãi trên nợ gốc chậm thanh toán: 58.149.391 đồng; lãi trên nợ lãi chậm thanh toán: 16.858.697 đồng. Xét thấy việc tính lãi suất nêu trên của LPB - Chi nhánh tỉnh Ninh Bình đúng theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu của LPB buộc bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền lãi tính đến ngày xét xử 27/9/2022 là: 151.776.188 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Như vậy, Tổng số tiền gốc và lãi, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T phải trả nợ cho LPB là: 286.775.828 đồng. Trong đó nợ gốc: 134.999.640 đồng; nợ lãi: 76.768.100 đồng; lãi trên nợ gốc chậm thanh toán: 58.149.391 đồng; lãi trên nợ lãi chậm thanh toán: 16.858.697 đồng.

Do bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T đã ly hôn nên khoản nợ nêu trên bà D và ông T mỗi người phải có trách nhiệm trả nợ cho LPB 1/2 tổng số nợ phải trả. Cụ thể: Bà Nguyễn Thị D phải có trách nhiệm trả nợ cho LPB tổng số tiền: 143.387.914 đồng. Trong đó nợ gốc: 67.499.820 đồng; nợ lãi: 38.384.050 đồng; lãi trên nợ gốc chậm thanh toán: 29.074.695 đồng; lãi trên nợ lãi chậm thanh toán: 8.429.348 đồng; Ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả nợ cho LPB tổng số tiền: 143.387.914 đồng. Trong đó nợ gốc: 67.499.820 đồng; nợ lãi: 38.384.050 đồng; lãi trên nợ gốc chậm thanh toán: 29.074.695 đồng; lãi trên nợ lãi chậm thanh toán: 8.429.348 đồng.

Kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số HD0111091704330 ngày 11/09/2017.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của LPB được chấp nhận nên buộc bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của LPB trên tổng số tiền nợ gốc và lãi mà bà D và ông T phải trả là: (286.775.828 đồng x 5%) : 2 = 7.169.396 đồng

Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ LV không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228 BLTTDS năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;  
Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ LV đối với bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ LV tổng số tiền nợ tính đến ngày 27/9/2022 là: 143.387.914<sup>d</sup> (Một trăm bốn mươi ba triệu, ba trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm mười bốn đồng). Trong đó nợ gốc: 67.499.820<sup>d</sup> (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn tám trăm hai mươi đồng); nợ lãi: 38.384.050<sup>d</sup> (Ba mươi tám triệu, ba trăm tám mươi tư nghìn, không trăm năm mươi đồng); lãi trên nợ gốc chậm thanh toán: 29.074.695<sup>d</sup> (Hai mươi chín triệu, không trăm bảy mươi tư nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng); lãi trên nợ lãi chậm thanh toán: 8.429.348<sup>d</sup> (Tám triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng).

1.2. Buộc bà ông Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ LV tổng số tiền nợ tính đến ngày 27/9/2022 là: 143.387.914<sup>d</sup> (Một trăm bốn mươi ba triệu, ba trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm mười bốn đồng). Trong đó nợ gốc: 67.499.820<sup>d</sup> (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn tám trăm hai mươi đồng); nợ lãi: 38.384.050<sup>d</sup> (Ba mươi tám triệu, ba trăm tám mươi tư nghìn, không trăm năm mươi đồng); lãi trên nợ gốc chậm thanh toán: 29.074.695<sup>d</sup> (Hai mươi chín triệu, không trăm bảy mươi tư nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng); lãi trên nợ lãi chậm thanh toán: 8.429.348<sup>d</sup> (Tám triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thảo thuận theo hợp đồng tín dụng số HD0111091704330 ngày 11/09/2017.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 7.169.375<sup>d</sup> (Bảy triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).

- Ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 7.169.375<sup>d</sup> (Bảy triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).



- Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ LV số tiền 5.100.000<sup>d</sup> (Năm triệu một trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0000753 ngày 17/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản bản hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- Viện KSND TP. Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Ninh Bình;
- Lưu TATP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Tuyết**